

Mục Lục

1 Tổng Quát	1-1	1.13.2 Sức Khỏe Và An Toàn	1-6
1.1 Phạm Vi	1-1	1.14 Bảo Vệ Phóng Tĩnh Điện (ESD)	1-6
1.2 Mục Đích	1-1	1.15 Dụng Cụ Và Thiết Bị	1-7
1.3 Các Cấp Sản Phẩm	1-1	1.15.1 Kiểm Soát	1-7
1.4 Các Đơn Vị Đo Lường và Ứng Dụng	1-1	1.15.2 Hiệu Chuẩn	1-7
1.4.1 Kiểm Chứng Các Kích Thước	1-1	1.16 Nguyên Vật Liệu và Quy Trình	1-8
1.5 Định Nghĩa Các Yêu Cầu	1-1	1.17 Khoảng Trống Cách Điện	1-8
1.5.1 Các Tình Trạng Khi Kiểm Tra	1-2	1.18 Sự Nhiễm Bẩn	1-8
1.5.1.1 Chấp Nhận	1-2	1.19 Sửa Lỗi/Sửa Chữa	1-8
1.5.1.2 Lỗi	1-2	1.19.1 Làm Lại	1-8
1.5.1.2.1 Xử Lý	1-2	1.19.2 Sửa Chữa	1-8
1.5.1.3 Báo Động Quy Trình	1-2	1.19.3 Vệ Sinh Sau Khi Sửa Lỗi/Sửa Chữa	1-8
1.5.1.4 Kết Hợp Nhiều Điều Kiện	1-3	2 Các Tài Liệu Liên Quan	2-1
1.5.1.5 Tình Trạng Không Xác Định	1-3	2.1 IPC	2-1
1.5.1.6 Các Thiết Kế Đặc Biệt hoặc Chuyên Dụng	1-3	2.2 Joint Industry Standards	2-1
1.5.2 Vật Liệu và Quy Trình Không Phù Hợp	1-3	2.3 Society of Automotive Engineers (SAE)	2-1
1.6 Kiểm Soát Quy Trình	1-3	2.4 American National Standards Institute (ANSI) ...	2-1
1.6.1 Kiểm Soát Quy Trình bằng Thống Kê	1-4	2.5 International Organization for Standardization (SO) ...	2-1
1.7 Thứ Tự Ưu Tiên	1-4	2.6 ESD Association (ESDA)	2-2
1.7.1 Tham Chiếu Điều Khoản	1-4	2.7 United States Department of Defense (DoD)	2-2
1.7.2 Các Phụ Lục	1-4	2.8 International Electrotechnical Commission (IEC)	2-2
1.8 Thuật Ngữ và Định Nghĩa	1-4	2.9 Aerospace Industries Association (AIA/NAS)	2-2
1.8.1 FOD (Foreign Object Debris – Ngoại Vật)	1-4	2.10 Electronics Industries Alliance	2-2
1.8.2 Kiểm Tra	1-4	2.11 ASTM International	2-2
1.8.3 Nhà Sản Xuất (Nhà Lắp Ráp)	1-4	2.12 Institute of Electrical and Electronics Engineers ...	2-2
1.8.4 Bằng Chứng Khách Quan	1-5	3 Chuẩn Bị	3-1
1.8.5 Kiểm Soát Quy Trình	1-5	3.1 Tuốt Dây	3-2
1.8.6 Nhà Cung Cấp	1-5	3.2 Hư Hại Lõi Dây và Đầu Dây	3-2
1.8.7 Khách Hàng/Người Dùng	1-5	3.3 Biến Dạng Dây Dẫn/Lồng Chim	3-5
1.8.8 Đường Kính Dây (D)	1-5	3.4 Xoắn Dây	3-7
1.8.9 Tài Liệu Kỹ Thuật	1-5	3.5 Hư Hại Vỏ Cách Điện – Tuốt Dây	3-8
1.9 Triển Khai Các Yêu Cầu	1-5	4 Các Đầu Nối Được Hàn	4-1
1.10 Tay Nghề Cá Nhân	1-5	4.1 Nguyên Vật Liệu, Linh Kiện và Thiết Bị	4-2
1.11 Yêu Cầu Chấp Nhận	1-5	4.1.1 Nguyên Vật Liệu	4-2
1.12 Phương Pháp Kiểm Tra	1-5	4.1.1.1 Hốp Kim Hàn	4-2
1.12.1 Kiểm Tra Xác Nhận Quy Trình	1-5		
1.12.2 Kiểm Tra Ngoại Quan	1-5		
1.12.2.1 Ánh Sáng	1-5		
1.12.2.2 Thiết Bị Phóng Đại	1-6		
1.13 Cơ Sở Vật Chất	1-6		
1.13.1 Hoạt Động Lắp Ráp Ngoài Nhà Máy	1-6		

Mục Lục (tt.)

4.1.1.1.1	Duy Trì Sự Nguyên Chất Của Kim Loại Hàn ...	4-3	4.8.5.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-38
4.1.1.1.2	Chất Trợ Hàn	4-4	4.8.5.2	Hàn	4-40
4.1.1.1.3	Các Loại Keo Dán	4-4	4.8.6	Đầu Nối Dạng Ly	4-41
4.1.1.1.4	Khả Năng Hàn	4-5	4.8.6.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-41
4.1.1.1.5	Dụng Cụ và Thiết Bị	4-5	4.8.6.2	Hàn	4-42
4.1.2	Loại Bỏ Lớp Mạ Vàng	4-5	4.8.7	Liên Kết Nối Tiếp	4-44
4.2 Độ Sạch		4-6	4.8.8	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện – Cỡ dây 30 AWG	4-45
4.2.1	Trước Khi Hàn	4-6	5 Các Đầu Nối Dạng Bấm (Đinh Nối và Đầu Cos)		5-1
4.2.2	Sau Khi Hàn	4-6	5.1 Dập Định Hình – Dạng Hình Trụ Mở		5-3
4.2.2.1	Ngoại Vật (FOD)	4-6	5.1.1	Hỗ Trợ Vô Cách Điện	5-4
4.2.2.2	Chất Trợ Hàn Thừa	4-7	5.1.1.1	Cửa Sổ Kiểm Tra	5-4
4.2.2.2.1	Bắt Buộc Làm Sạch	4-7	5.1.1.2	Bấm Dây	5-6
4.2.2.2.2	Quy Trình Không Làm sạch	4-7	5.1.2	Khoảng Cách Vô Cách Điện Nếu Không Bấm Giữ Vô Dây	5-8
4.3 Liên Kết Hàn		4-8	5.1.3	Bấm Lỗi Dây	5-9
4.3.1	Các Yêu Cầu Chung	4-10	5.1.4	Miệng Loe Của Vết Bấm	5-11
4.3.2	Các Mối Hàn Bất Thường	4-11	5.1.5	Chỗi Dây Dẫn	5-13
4.3.2.1	Lộ Kim Loại Nền	4-11	5.1.6	Tab Cắt Bỏ	5-15
4.3.2.2	Các Mối Hàn Thấy Được Một Phần hoặc Không Thấy Được	4-11	5.1.7	Phụ kiện Bịt Ron Cho Dây Đơn	5-16
4.4 Chuẩn Bị Dây/Chân Linh Kiện, Tráng		4-12	5.2 Dập Định Hình – Dạng Hình Trụ Đóng		5-18
4.5 Vô Cách Điện		4-14	5.2.1	Khoảng Cách Vô Cách Điện	5-19
4.5.1	Khoảng Trống	4-14	5.2.2	Phần Bấm Giữ Vô Dây	5-20
4.5.2	Hư Hại Sau Khi Hàn	4-16	5.2.3	Khu vực Bấm Dây và Miệng Loe	5-21
4.6 Ong Bọc Cách Điện		4-17	5.2.4	Tab Cắt Bỏ	5-23
4.7 Tách Sợi Dẫn Sau Hàn (Lông Chim)		4-19	5.3 Đinh Nối Làm Bằng Máy Tiện		5-24
4.8 Các Đầu Nối		4-20	5.3.1	Khoảng Cách Vô Cách Điện	5-24
4.8.1	Trụ Hình Tháp và Trụ Tròn Thẳng	4-23	5.3.2	Loại Ôm Vô Cách Điện	5-26
4.8.1.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-23	5.3.3	Lỗi Dây	5-27
4.8.1.2	Hàn	4-25	5.3.4	Bấm Đinh Nối	5-29
4.8.2	Đầu Nối Hai Chân	4-26	5.3.5	Chèn Dây (Tăng CMA)	5-31
4.8.2.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện – Đặt Bên Hồng ...	4-26	5.4 Bấm Đầu Nối Ferrule		5-33
4.8.2.2	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện – Đặt Từ Trên Xuống và Từ Dưới Lên	4-28	5.5 Ong Co Nhiệt – Gia Cố Dây – Đầu Nối Bấm		5-35
4.8.2.3	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện – Dây Được Giữ/Cố Định Chặt	4-30	6 Mối Nối Đâm Xuyên Vô Cách Điện (IDC)		6-1
4.8.2.4	Hàn	4-31	6.1 Kết Nối Hàng Loạt, Cáp Dẹp		6-2
4.8.3	Đầu Nối Có Rãnh	4-33	6.1.1	Cắt Dây Cáp	6-2
4.8.3.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-33	6.1.2	Tia Dây Cáp	6-3
4.8.3.2	Hàn	4-34	6.1.3	Loại Bỏ Lớp Phủ Nối Đất	6-4
4.8.4	Đầu Nối Soi Lỗ/Xuyên Lỗ/Đục Lỗ	4-35	6.1.4	Vị Trí Bộ Nối	6-5
4.8.4.1	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện	4-35	6.1.5	Bộ Nối Nghiêng và Vị Trí Nằm Ngang	6-8
4.8.4.2	Hàn	4-37	6.1.6	Độ Bấm Giữ	6-9
4.8.5	Đầu Nối Dạng Móc	4-38	6.2 Kết Nối Dây Riêng Lẻ		6-10

Mục Lục (tt.)

6.2.1	Tổng Quát	6-10	9.3.1	Vị Trí	9-10
6.2.2	Vị Trí Đặt Dây	6-11	9.3.2	Kết Dính	9-11
6.2.3	Phần Nhô Ra (Phần Kéo Dài)	6-12	9.4 Hư Hại Bộ Nối		9-15
6.2.4	Mối Lắp Vỏ Cách Điện	6-13	9.4.1	Tiêu Chuẩn	9-15
6.2.5	Hư Hại Ở Khu Vực Kết Nối	6-15	9.4.2	Các Giới Hạn – Bề Mặt Cứng – Bề Mặt Kết Nối ...	9-16
6.2.6	Bộ Nối Có Vách Biên	6-16	9.4.3	Các Giới Hạn – Bề Mặt Mềm – Bề Mặt Kết Nối hay Phần Bịt Kín Ở Cuối	9-17
6.2.7	Bộ Nối Xuyên Qua	6-17	9.4.4	Các Đinh Nối	9-18
6.2.8	Bộ Nối Kẹp Dây	6-18	9.5 Lắp Đặt Đinh Nối và Đầu Bít Vào Bộ Nối		9-19
6.2.9	Bộ Nối Hình Chữ D Cực Nhỏ (Bộ Nối Liên Hoàn Nhiều Dây).....	6-19	9.5.1	Lắp Đặt Đinh Nối	9-19
6.2.10	Bộ Nối Dạng Mô Đun (Loại RJ).....	6-21	9.5.2	Lắp Đặt Đầu Bít	9-21
7	Mối Hàn Siêu Âm	7-1	10 Ép Khuôn/Đổ Keo		10-1
7.1	Khoảng Cách Vỏ Cách Điện	7-2	10.1 Ép Khuôn		10-4
7.2	Khối Hàn	7-3	10.1.1	Điền Khuôn	10-4
8	Mối Nối Ghép	8-1	10.1.1.1	Bên Trong	10-4
8.1	Mối Hàn Ghép	8-2	10.1.1.2	Bên Ngoài	10-7
8.1.1	Đan	8-3	10.1.1.2.1	Không Thăng Hàng	10-10
8.1.2	Quấn	8-5	10.1.1.2.2	Sự Vừa Vặn	10-11
8.1.3	Móc	8-7	10.1.1.2.3	Rạn Nứt, Dòng Chảy, Nếp Nhăn (Đường Đan) hoặc Đường Hàn	10-14
8.1.4	Ghép Chồng.....	8-8	10.1.1.2.4	Màu Sắc	10-16
8.1.4.1	Hai Dây Dẫn Hoặc Nhiều Hơn	8-9	10.1.2	Lỗ Thối	10-17
8.1.4.2	Phần Mờ Vỏ Dây (Cửa Sổ)	8-12	10.1.3	Vị Trí	10-18
8.1.5	Ống Hàn Co Nhiệt	8-13	10.1.4	Ba Via	10-21
8.2	Mối Bấm Ghép	8-15	10.1.5	Hư Hại Vỏ Cách Điện, Vỏ Bảo Vệ hoặc Ống Bọc.	10-23
8.2.1	Ống	8-15	10.1.6	Làm Khô	10-24
8.2.2	Bấm Hai Đầu	8-18	10.2 Đổ Keo (Đúc Chất Dẻo Nhiệt Rắn)		10-25
8.2.3	Đinh Nối	8-21	10.2.1	Điền Khuôn	10-25
8.2.4	Ống Nối Dây Thăng Hàng (Ống Nối Jiffy).....	8-23	10.2.2	Sự Vừa Vặn với Dây Điện hoặc Cáp Điện ...	10-29
8.3	Mối Hàn Ghép Siêu Âm	8-24	10.2.3	Làm Khô	10-31
9	Sự Liên Kết Hóa	9-1	10.3 Ép Khuôn Cáp Ruy Băng Dẹt Đeo		10-32
9.1	Lắp Ráp Phần Cứng	9-2	10.3.1	Lắp Ráp và Căn Chính Keo.....	10-35
9.1.1	Trụ Đai Ốc - Chiều Cao	9-2	10.3.2	Keo Giữa Ruy Băng và Phần Đổ Nhựa Bộ Nối	10-36
9.1.2	Trụ Vít – Phần Nhô Ra	9-3	10.3.3	Lắp Ráp Phần Cứng	10-37
9.1.3	Kẹp/ Khóa Định Vị	9-4	11 Đo Lường Các Bộ Cáp Điện và Dây Điện		11-1
9.1.4	Căn Chính Bộ Nối	9-5	11.1 Đo Lường – Dung Sai Chiều Dài Cáp Điện và Dây Điện		11-2
9.2	Giảm Sức Căng	9-6	11.2 Đo Lường – Cáp Điện		11-2
9.2.1	Độ Chặt Của Kẹp	9-6	11.2.1	Bề Mặt Tham Chiếu – Bộ Nối Thăng/Dọc Trục ...	11-2
9.2.2	Bố Trí Dây	9-7	11.2.2	Bề Mặt Tham Chiếu – Bộ Nối Vuông Góc ...	11-3
9.2.2.1	Nối Thăng	9-8			
9.2.2.2	Nối Vuông Góc	9-9			
9.3	Ống Bọc và Lớp Vỏ Bảo Vệ	9-10			

Mục Lục (tt.)

11.2.3	Chiều Dài.....	11-3	13.9	Đinh Nối Trung Tâm	13-20
11.2.4	Nhánh Rẽ.....	11-4	13.9.1	Vị Trí	13-20
11.2.4.1	Các Điểm Đo Lường Nhánh Rẽ	11-4	13.9.2	Hư Hại	13-21
11.2.4.2	Chiều Dài Nhánh Rẽ	11-5	13.10	Cáp Đồng Trục Vỏ Kim Loại	13-22
11.3	Đo Lường – Dây Điện	11-6	13.10.1	Uốn Cong và Biến Dạng	13-23
11.3.1	Vị Trí Tham Chiếu Đầu Nối	11-6	13.10.2	Tình Trạng Bề Mặt	13-25
11.3.2	Chiều Dài	11-7	13.10.2.1	Vỏ Cứng	13-25
12	Dấu Hiệu/Nhãn	12-1	13.10.2.2	Cáp Dẻo	13-27
12.1	Nội Dung	12-2	13.10.3	Cắt Lốp Cách Điện	13-28
12.2	Tính Rõ Ràng	12-2	13.10.4	Độ Sạch Lốp Cách Điện	13-30
12.3	Tính Lâu Bền	12-4	13.10.5	Đầu Dây Dẫn Trung Tâm	13-31
12.4	Vị Trí và Phương Hướng	12-5	13.10.5.1	Điểm Mũi Nhọn	13-32
12.5	Chức Năng	12-6	13.10.5.2	Hư Hại	13-34
12.6	Ống Bọc Dấu Hiệu	12-7	13.10.6	Mối Hàn	13-34
12.6.1	Quấn Quanh.....	12-7	13.11	Bộ Nối Kiểu Ép	13-36
12.6.2	Hình Ống.....	12-9	13.12	Hàn và Tuốt Dây Hai Trục và Nhiều Trục	
12.7	Dấu Hiệu Hình Lá Cờ	12-10		Có Bọc Chống Nhiễu	13-37
12.7.1	Keo Dính	12-10	13.12.1	Lắp Đặt Vỏ Bọc Cáp và Đinh Nối	13-37
12.8	Cột/Buộc Các Dấu Hiệu	12-10	13.12.2	Lắp Đặt Vòng	13-39
13	Các Bộ Cáp Đồng Trục và Cáp Hai Trục	13-1	14	Cố Định	14-1
13.1	Tuốt Dây	13-2	14.1	Ứng Dụng Của Dây Buộc/Dây Gút	14-2
13.2	Xử Lý Đầu Cuối Dây Dẫn Trung Tâm	13-4	14.1.1	Độ Chặt	14-7
13.2.1	Bấm Dây	13-4	14.1.2	Hư Hại	14-8
13.2.2	Hàn	13-6	14.1.3	Khoảng Cách	14-8
13.3	Hàn Các Chân Đầu Nối Ferrule	13-8	14.2	Nhánh Rẽ	14-9
13.3.1	Tổng Quan	13-8	14.2.1	Các Dây Riêng Lẻ	14-9
13.3.2	Cách Điện	13-10	14.2.2	Khoảng Cách	14-10
13.4	Bộ Nối Cáp Đồng Trục- Gắn Trên Bảng Mạch ...	13-11	14.3	Định Tuyến	14-13
13.5	Bộ Nối Cáp Đồng Trục- Chiều Dài Dây Dẫn		14.3.1	Dây Chồng Chéo	14-13
	Trung Tâm – Bộ Nối 90 Độ	13-12	14.3.2	Bán Kính Uốn Cong	14-14
13.6	Bộ Nối Cáp Đồng Trục – Hàn Dây Dẫn		14.3.3	Dây Đồng Trục	14-15
	Trung Tâm	13-13	14.3.4	Đầu Dây Không Sử Dụng	14-16
13.7	Bộ Nối Cáp Đồng Trục – Nắp Che Đầu Nối ...	13-15	14.3.4.1	Ống Co Nhiệt	14-16
13.7.1	Hàn	13-15	14.3.4.2	Ống Bọc Dẻo	14-17
13.7.2	Nhấn Khít	13-16	14.3.5	Nút Buộc Chồng Lên Mối Nối Ghép	
13.8	Xử Lý Đầu Cuối Lốp Chống Nhiễu	13-17		và Ống Ferrule.....	14-17
13.8.1	Vòng Kẹp Tiếp Đất	13-17	14.4	Khâu Chối	14-18
13.8.2	Bấm Đầu Nối Ferrule	13-18	15	Vỏ Bọc Chống Nhiễu Cho Dây Cáp/Bộ Dây	15-1
			15.1	Vỏ Bện	15-2
			15.1.1	Bện Trục Tiếp	15-3
			15.1.2	Bện Sẵn	15-5

Mục Lục (tt.)

15.2	Xử Lý Đầu Cuối Lớp Chống Nhiều	15-6	17.2.1.1	Lực Siết Tối Thiểu	17-6
15.2.1	Dây Nối Chống Nhiều	15-6	17.2.2	Dây Dẫn	17-8
15.2.1.1	Nối Dây	15-6	17.2.2.1	Dây Đơn Lõi	17-9
15.2.1.1.1	Hàn	15-7	17.2.2.2	Dây Lõi Nhiều Sợi	17-11
15.2.1.1.2	Bấm Dây	15-11	17.2.3	Lắp Đặt Dây An Toàn	17-12
15.2.1.2	Vỏ Bện Chống Nhiều	15-12	17.2.4	Cáp An Toàn	17-14
15.2.1.2.1	Giữ Lớp Bện	15-12	17.3	Lắp Đặt Dây/Bó Dây	17-15
15.2.1.2.2	Xả Lớp Bện và Xoắn	15-12	17.3.1	Giảm Căng Dây	17-15
15.2.1.3	Chuỗi Daisy	15-13	17.3.2	Uốn Dây	17-16
15.2.1.4	Điểm Tiếp Đất Chung	15-13	17.3.3	Các Vòng Phục Vụ Sửa Chữa	17-17
15.2.2	Không Có Dây Nối Chống Nhiều	15-14	17.3.4	Kẹp Giữ Dây	17-18
15.2.2.1	Lớp Chống Nhiều Không Được Gấp Ngược ...	15-14	17.3.5	Gút Dây / Buộc Dây	17-18
15.2.2.2	Lớp Chống Nhiều Được Gấp Ngược	15-15	17.3.6	Máng Cáp	17-19
15.3	Xử Lý Đầu Cuối Lớp Chống Nhiều – Bộ Nối ...	15-16	17.3.7	Đệm Lót Dây	17-20
15.3.1	Co Nhiệt	15-16	17.3.7.1	Bít Kín Cho Dây/Cáp/Bó Dây Không Được	
15.3.2	Bấm Dây	15-18		Yêu Cầu	17-20
15.3.3	Lắp Đặt Dây Nối Chống Nhiều	15-20	17.3.7.1.1	Bít Kín Cho Dây/Cáp/Bó Dây Được	
15.3.4	Hàn	15-21		Yêu Cầu	17-21
15.4	Xử Lý Đầu Cuối Lớp Chống Nhiều –		18	Quấn Dây Không Hàn	18-1
	Nối Các Ống Bện Sẵn	15-21	19	Kiểm Tra	19-1
15.4.1	Hàn	15-22	19.1	Kiểm Tra Không Phá Hủy	19-2
15.4.2	Buộc/Băng Quấn	15-24	19.2	Kiểm Tra Sau Khi Sửa Lỗi hoặc Sửa Chữa	19-2
15.5	Băng Quấn – Bọc Bảo Vệ và Dẫn Điện,		19.3	Sử Dụng Băng Dự Kiến	19-2
	Có Keo hoặc Không Keo	15-25	19.4	Kiểm Tra Điện	19-3
15.6	Ống Luồn Dây (Chống Nhiều)	15-26	19.4.1	Sự Lựa Chọn	19-3
15.7	Ống Co Nhiệt – Có Lớp Dẫn Điện	15-27	19.5	Phương Pháp Kiểm Tra Điện	19-4
16	Bọc Bảo Vệ Bộ Dây Điện/Cáp Điện	16-1	19.5.1	Thông Mạch	19-4
16.1	Bện Dây	16-2	19.5.2	Chạm Mạch	19-5
16.1.1	Bện Trực Tiếp	16-2	19.5.3	Điện Áp Chịu Đựng (DWV)	19-6
16.1.2	Bện Sẵn	16-4	19.5.4	Điện Trở Cách Điện (IR).....	19-7
16.2	Ống Bọc/Ống Co Nhiệt	16-6	19.5.5	Tỉ Số Sóng Đứng Điện Áp (VSWR)	19-8
16.2.1	Keo Ron	16-7	19.5.6	Tổn Hao Điện Áp	19-8
16.3	Ống Nhựa Quấn Xoắn (Ống Bọc Xoắn)	16-8	19.5.7	Hệ Số Phản Xạ	19-9
16.4	Ống Gân Luồn Dây – Loại Tách Dọc Và		19.5.8	Định Nghĩa Bồi Khách Hàng	19-9
	Không Tách	16-9	19.6	Kiểm Tra Cơ Khí	19-10
16.5	Băng Quấn, Có Keo và Không Có Keo	16-9	19.6.1	Sự Lựa Chọn	19-10
17	Lắp Đặt Bộ Dây Thành Phẩm	17-1	19.7	Phương Pháp Kiểm Tra Cơ Khí	19-11
17.1	Tổng Quan	17-2	19.7.1	Chiều Cao Bấm (Phân Tích Kích Thước) ...	19-11
17.2	Lắp Đặt Phần Cứng	17-3	19.7.1.1	Vị Trí Đầu Nối.....	19-12
17.2.1	Bộ Siết Có Ren	17-4	19.7.2	Lực Kéo (Lực Kéo Căng)	19-13
			19.7.2.1	Không Có Tài Liệu Kiểm Soát Quy Trình ...	19-14
			19.7.3	Giám Sát Lực Dập	19-18

Mục Lục (tt.)

19.7.4	Kiểm Tra Dụng Cụ Bấm	19-18	Bảng 11-1	Dung Sai Đo Lường Chiều Dài Cáp/ Dây Điện	11-2
19.7.5	Kiểm Tra Mỗi Giữ Đinh Nối	19-18	Bảng 13-1	Hư Tổn Dây Dẫn Ở Tâm Và Lớp Bọc Chống Nhiều Cửa Cáp Đồng Trục Và Cáp Hai Trục...	13-2
19.7.6	Kiểm Tra Lực Kéo Cửa Bộ Nối Có Bọc Chấn Sóng Vô Tuyến	19-19	Bảng 13-2	Độ Biến Dạng Của Cáp Đồng Trục Vô Kim Loại	13-24
19.7.7	Kiểm Tra Lực Xoắn Bộ Nối Ferrule Có Bọc Chấn Sóng Vô Tuyến	19-20	Bảng 13-3	Cắt Lớp Cách Điện	13-28
19.7.8	Định Nghĩa Bồi Khách Hàng	19-20	Bảng 14-1	Các Yêu Cầu Về Bán Kính Uốn Cong Tối Thiểu	14-14
20	Các Ứng Dụng Điện Cao Áp	20-1	Bảng 17-1	Lực Kéo Tối Thiểu Của Ferrule Đã Được Bấm	17-14
Phụ Lục A	Thuật Ngữ và Định Nghĩa	A-1	Bảng 19-1	Các Yêu Cầu Kiểm Tra Điện	19-3
Phụ Lục B	Các Bảng Kiểm Tra Có Thể Sao Chép Lại ...	B-1	Bảng 19-2	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Thông Mạch	19-4
Phụ Lục C	Hướng Dẫn Chung Cho Dụng Cụ Và Thiết Bị Hàn	C-1	Bảng 19-3	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Chạm Mạch (Độ Cách Điện Dưới Điện Áp Thấp) ...	19-5
Bảng A-1	Khoảng Trống Cách Điện	A-5	Bảng 19-4	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Điện Áp Chịu Dụng (DWV)	19-6
Bảng 1-1	Ứng Dụng Thiết Bị Phóng Đại – Dây và Kết Nối Dây	1-6	Bảng 19-5	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Điện Trở Cách Điện (IR)	19-7
Bảng 1-2	Ứng Dụng Thiết Bị Phóng Đại - Khác	1-6	Bảng 19-6	Các Thông Số Kiểm Tra Tỉ Số Sóng Đứng Điện Áp (VSWR)	19-8
Bảng 3-1	Số Lượng Lõi Dây Bị Hư Cho Phép	3-4	Bảng 19-7	Các Thông Số Kiểm Tra Tổn Hao Điện Áp ...	19-8
Bảng 4-1	Giới Hạn Tối Đa Cho Tạp Chất Trong Bề Hàn Nhúng	4-3	Bảng 19-8	Các Thông Số Kiểm Tra Hệ Số Phản Xạ ...	19-9
Bảng 4-2	Các Bất Thường Trong Liên Kết Hàn	4-11	Bảng 19-9	Các Yêu Cầu Kiểm Tra Cơ Khí	19-10
Bảng 4-3	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện Cho Các Đầu Nối Hình Trụ Thấp và Hình Trụ Tròn Thẳng ...	4-23	Bảng 19-10	Kiểm Tra Chiều Cao Bấm	19-11
Bảng 4-4	Đầu Nối Hai Chân - Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện – Đặt Bên Hồng	4-26	Bảng 19-11	Các Yêu Cầu Tối Thiểu Kiểm Tra Lực Kéo	19-14
Bảng 4-5	Đầu Nối Hai Chân - Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện – Đặt Từ Dưới Lên	4-28	Bảng 19-12	Các Giá Trị Lực Kiểm Tra Kéo	19-15
Bảng 4-6	Yêu Cầu Về Việc Có Định Dây Nối Cho Dây Đặt Ngang Xuyên Thẳng Trụ Nối	4-30	Bảng 19-13	Các Giá Trị Lực Kiểm Tra Kéo (Cấp 1 & 2) Cho UL, SAE, GM và Volvo ...	19-16
Bảng 4-7	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện Trên Đầu Nối Soi Lỗ / Xuyên Lỗ	4-35	Bảng 19-14	Các Giá Trị Lực Kiểm Tra Kéo (Cấp 1&2) cho IEC	19-17
Bảng 4-8	Vị Trí Đặt Dây/Chân Linh Kiện Cho Loại Đầu Nối Dạng Móc	4-38	Bảng 19-15	Kiểm Tra Lực Kéo Của Đầu Nối Có Bọc Chấn Sóng Vô Tuyến RF	19-19
Bảng 4-9	Các Yêu Cầu Quán Cho Cỡ Dây 30 AWG Và Nhỏ Hơn	4-45			
Bảng 10-1	Các Định Nghĩa Bất Thường Về Ngoại Quan Của Ép Khuôn/Đổ Keo	10-2			